TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-02-2018.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Triều.

2. Ông Đỗ Hồng Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cao Thị T, sinh năm 1991; trú tại: Số 119, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; chị T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1986; trú tại: Số 211, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; anh P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Cao Thị T trình bày: Chị T và anh P cưới nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120. Sau khi kết hôn, chị T và anh P chung sống hạnh Pc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P thường hay đánh đập chị T nhiều lần, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, anh P đến thăm hỏi, nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Tại phiên tòa chị T cho rằng anh P sử dụng ma túy nhiều năm nay, những lần sử dụng ma túy anh P có những hành động thoái hóa về tình dục, chị T không chịu nổi, anh P còn có những hành động hâm he dùng dao đe dọa giết chị T, nhưng do đó là chuyện riêng tư không ai chứng kiến. Nên nay chị T tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh P. Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Cao Phương N1, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Cao Phương N2, sinh ngày 20/9/2010, hiện nay đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn P trình bày: Anh P và chị T cưới nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120. Sau khi kết hôn, chị T và anh P chung sống hạnh Pc đến tháng 01 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P yêu cầu chị T đi lấy đồ về bán nhưng T không làm đúng lời dặn của anh P, nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, anh P có đến gặp T để yêu cầu hàn gắn nhưng T không đồng ý, nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh P không đồng ý ly hôn với chị T. Tại phiên tòa anh P có thừa nhận là có sử dụng ma túy tổng hợp từ năm 2012 đến năm 2016, nhưng hiện tại anh P đã không còn sử dụng tiếp tục và anh P hứa sẽ bỏ hẳn không sử dụng ma túy để lo cho gia đình. Anh P không thừa nhận việc anh P có những hành động thoái hóa đối với chị T khi sử dụng ma túy như chị T đã trình bày. Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Cao Phương N1, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Cao Phương N2, sinh ngày 20/9/2010 hiện nay đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T thì anh P yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu T cấp dưỡng. Về chia tài sản: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Cao Thị T xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị T và anh P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh P có địa chỉ cư trú tại số nhà 211, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn vào ngày 24/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị T và anh P đã không làm được điều đó, sau vài năm chung sống, chị T và anh P đã xảy ra bất đồng trong quan điểm sống, mỗi người chỉ lo cho cuộc sống riêng của mình, chị T cho rằng anh P thường hay đe dọa đòi giết chị và đánh đập chị nhiều lần, còn anh P cho rằng chị T không làm tròn nghĩa vụ khi được anh P yêu cầu, dẫn đến anh P và chị T đã ly thân tháng 3/2017 đến nay. Anh P đã có thời gian sử dụng ma túy và có những hành động làm cho chị T không thể tha thứ mà tại phiên tòa chị T cho rằng rất hận anh P, chị T lo sợ rằng anh P sẽ tiếp tục sử dụng ma túy như con đường cũ làm cho chị T không còn niềm tin sống hạnh Pc và hàn gắn được với anh P. Hành động và việc làm của chị T và anh P đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; từ khi ly thân đến nay đã gần một năm, mặc dù trong thời gian này anh P có đến gặp chị T để yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ lại nhưng chị T vẫn không đồng ý; Tòa án đã tổ chức hòa giải để anh P và chị T đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Anh P và chị T có 02 con chung tên Nguyễn Cao Phương N1, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Cao Phương N2, sinh ngày 20/9/2010, hiện nay đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T không cấp dưỡng; anh P cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh P không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy từ tháng 3/2017 cho đến nay hai cháu Phương N1 và Phương N2 do anh P trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu vẫn phát triển bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác, sự tự nguyện này của chị T và anh P là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phương N1 và Phương N2 và quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 96, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Cao Phương N1, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Cao Phương N2, sinh ngày 20/9/2010 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Cao Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02050 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (Chị T đã nộp đủ án phí).

Anh Nguyễn Văn P và chị Cao Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CC.THADS huyện L;
- UBND xã Đ;
(GCNKH số 120 quyển 01 ngày 24/7/2012)
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Văn Kiến